

Bản án số: 91/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v tranh chấp “hợp đồng dân
sự, hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Ngọc Liêm
- Ông Trần Thanh Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự, hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).
- Bị đơn:** Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T), sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị Á, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn N trình bày: do quen biết, nên ông có tham gia nhiều dây hui do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, cụ thể: ông tham gia 02 dây như sau:

- Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 06/3/2023 (al), có 27 phần, ông tham gia 02 phần (trong dây hụi này ghi tên N). Hụi khui đến lần thứ 21 thì ông A tự ý ngưng không khui hụi tiếp tục. Do đó, dây hụi này ông N châu được 20 lần với tổng số tiền 57.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 20/5/2024 (al), có 17 hụi viên, gồm 20 phần, ông N tham gia 03 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên N). Hụi khui đến lần thứ 05 thì ông A tự ý ngưng không khui hụi tiếp tục. Do đó, dây hụi này ông N châu được 05 lần với tổng số tiền 22.050.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông N đã đóng tại 02 dây hụi nêu trên là 79.050.000 đồng; khi làm chủ hụi ông A đứng tên là Nguyễn Văn T trên sổ hụi nhưng vợ ông A là bà Ngô Thị Á biết, cùng ông A tham gia giao dịch hụi với các hụi viên. Quá trình chơi hụi, ông N đã đóng nhiều kỳ trong các dây, hụi chưa mãn, ông chưa hốt hụi nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hụi. Ông đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hụi đã đóng nhưng ông A, bà Á cứ hẹn nhưng không thực hiện. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á liên đới trả số tiền hụi 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn), không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) có lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án: Về yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông thống nhất, đồng ý trả số tiền hụi còn nợ, ông xác định vợ chồng ông làm chủ hụi trong đó có ông Nguyễn Văn N và những người khác trong xã cùng tham gia. Khi làm chủ hụi thì vợ chồng ông lấy tên là Nguyễn Văn T – cũng là tên khác gọi của ông. Do các hụi viên trong các dây hụi khác giựt hụi nên ông không thể tiếp tục thực hiện giao dịch hụi, tuyên bố bị bẻ hụi. Khi bẻ hụi thì vợ ông là Ngô Thị Á đi làm xa cho đến nay nhưng vẫn còn đăng ký thường trú cùng địa chỉ với ông tại ấp B, xã B, huyện C. Ông xác định khi tham gia làm chủ hụi thì hai vợ chồng cùng tham gia, vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp, vợ ông hoàn toàn biết các hụi viên, trong đó có ông N. Ông đồng ý cùng vợ liên đới trả nợ hụi cho ông Nguyễn Văn N số tiền 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn) với điều kiện khi bán được đất.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 01 (một) biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại ban ấp B, xã B, huyện C; 02 (hai) danh sách hụi viên (photo).

Bị đơn Ngô Thị Á vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mặc dù Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đối với lời trình bày của ông A. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập ngày 06/02/2025 được Ban ấp B cung cấp thông tin, vào ngày 27/12/2024 Ban ấp có hòa giải về tranh chấp hụi giữa các nguyên đơn (trong đó có ông N) với ông A, bà Á. Ông A thừa nhận sự việc

cùng vợ làm chủ hụi còn nợ các hụi viên, đồng ý trả nợ hụi khi nào bán được đất. Do không xác định được thời gian trả nợ hụi cụ thể nên phiên hòa giải không thành. Ban áp có lập biên bản cho các bên ký tên. Bên bạnh đó, tại giấy xác nhận về tình trạng cư trú, Công an xã B xác nhận, bà Ngô Thị Á vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện; yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hụi còn nợ 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn).

Bị đơn A, có lời khai giống như lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bà Á có mặt cũng thống nhất với ý kiến của ông A, đồng ý trả nợ hụi nhưng do hoàn cảnh khó khăn, sẽ trả khi nào bán được đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Biên bản hòa giải ngày 27/12/2024 tại Văn phòng áp B, xã B, huyện C và danh sách hụi viên nên có cơ sở xác định việc giao dịch hụi giữa ông N và ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận do ông A, bà Á không giao tiền hụi cho ông N là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên ông N khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á trả nợ số tiền 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn). Tại phiên tòa, ông A, bà Á có mặt, thống nhất với yêu cầu của ông N về số tiền hụi còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi mà ông A, bà Á thừa nhận là hoàn toàn có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Công nhận hợp đồng hụi giữa ông Nguyễn Văn N với ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) và bà Ngô Thị Ánh .

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

- Buộc ông Nguyễn Phước A (Nguyễn Văn T) và bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn N nợ hụi là 79.050.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông N yêu cầu bị đơn ông A, bà Á trả tiền nợ hui; Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng: do quen biết ông N có tham gia 02 dây hui do vợ chồng ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á làm chủ, ông N đã đóng tại 02 dây hui với tổng số tiền 79.050.000 đồng, các dây hui đều chưa mãn, ông chưa hốt hui nhưng vợ chồng ông A tự ý ngưng hui. Ông đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền hui đã đóng nhưng ông A, bà Á cứ hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà Á số tiền hui 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn), không yêu cầu tính lãi suất.

[3.2] Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông N là Biên bản hòa giải được lập vào ngày 27/12/2024 tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C thể hiện chữ ký của các hui viên, ông A và xác nhận của ban ấp và danh sách hui viên thể hiện rõ tên hui viên là ông N tham gia nên có cơ sở xác định giao dịch hui giữa ông N với ông A, bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tự do thỏa thuận do ông A, bà Á không giao trả tiền hui ông N là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên nên ông N khởi kiện yêu cầu ông A, bà Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui cho ông. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, ông A, bà Á đồng ý với yêu cầu của ông N về số tiền hui còn nợ, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào bán được đất sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đối với việc yêu cầu ông A, bà Á trả số tiền hui còn nợ 79.050.000 đồng.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui, không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nguyên đơn Nguyễn Văn N thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí nên không đề cập việc hoàn trả.

Bị đơn A, Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, cụ thể: $79.050.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.952.500 \text{ đồng}$ (ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á đối với số tiền hui.

Buộc ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 79.050.000 đồng (bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông N thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí nên không đề cập việc hoàn trả.

Bị đơn Nguyễn Phước A, Ngô Thị Á phải chịu 3.952.500 đồng (*ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*), án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Phước A, bà Ngô Thị Á có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong